TÒA ÁN NHN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 7 - 2026
V/v yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn

NHN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Vân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thức;
2. Ông Y Dhiễu Hmok.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thái Hoàng - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nHn dân khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Bà Phàng Thị Quỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2026/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2026, về việc: *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2026, Quyết định hoãn phiên toà số 36/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị T, sinh năm 1982, căn cước công dân số: 054182009199.

Địa chỉ: Thôn MTN, xã H, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn H, sinh năm 1978, căn cước công dân số 066078006349.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2026, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có

đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Uỷ ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo giấy chứng nhận kết hôn số 95, ngày 14/11/2022. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung là Đào Ngọc Gia Hn, sinh ngày 16/7/2023, từ khi sinh ra đến nay con do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T yêu cầu giao con cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định giữa chị và anh H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn H quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp, các giấy báo tham gia tố tụng, tham gia phiên họp, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh H không có văn bản nêu ý kiến, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không thể tiến hành hoà giải được. Khi Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã cấp, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đào Ngọc Gia Hn, sinh ngày 16/7/2023, cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định về thẩm quyền của Toà án nhân dân khu vực.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Uỷ ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo giấy chứng nhận kết hôn số 95, ngày 14/11/2022, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của chị T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn là có cơ sở, kết quả xác minh tại địa phương cũng ghi nhận chị T và anh H đã không còn chung sống, ly thân từ năm 2022 đến nay. Do đó, có căn cứ xác định, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn là có thật và kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có một người con chung là cháu Đào Ngọc Gia Hn, sinh ngày 16/7/2023. Từ khi không còn chung sống, chị T là người trực tiếp nuôi con, tính đến thời điểm xét xử dưới 36 tháng tuổi, để đảm bảo tốt nhất về quyền và lợi ích cũng như ổn định nơi sinh sống của cháu Hân cần chấp nhận giao cháu Hân cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung nợ chung, không yêu cầu nên không giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Đào Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn với anh Trương Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đào Ngọc Gia Hn, sinh ngày 16/7/2023 cho chị Đào Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đào Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002643 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đắk Lắk;
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân